UBND TỈNH HÒA BÌNH
SỞ Y TẾ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 80 /BC-SYT

Hoà Bình, ngày 17 tháng 02 năm 2022

BÁO CÁO
Tình hình phòng, chống dịch bệnh COVID-19 ngày 17/02/2022

I. Tình hình dịch bệnh tại Hòa Bình *(tính đến 16 giờ ngày 17/02/2022)*

1. Tình hình mắc COVID-19:

1.1. Ca mắc mới trong ngày: Ghi nhận 1.256 ca, trong đó:

STT	Địa Phương	Số ca mắc	Phân loại tuổi			Tiền sử tiêm Vắc xin			Nơi mắc	
			Dưới 18 tuổi	18-65 tuổi	Trên 65 tuổi	Chưa tiêm	Tiêm 01 mũi	Tiêm ≥ 02 mũi	Tại cộng đồng	Đã được cách ly trước đó
1	Lương Sơn	170	56	104	10	52	3	115	146	24
2	Thành phố HB	296	102	178	16	76	3	217	274	22
3	Đà Bắc	53	9	43	1	9	0	44	34	19
4	Cao Phong	39	9	29	1	7	2	30	34	5
5	Tân Lạc	50	20	29	1	12	0	38	28	22
6	Mai Châu	50	14	35	1	12	0	38	33	17
7	Lạc Sơn	250	83	153	14	74	3	173	183	67
8	Yên Thủy	55	24	25	6	21	0	34	32	23
9	Kim Bôi	215	78	128	9	67	3	145	90	125
10	Lạc Thủy	46	19	26	1	10	1	35	46	0
11	BVĐK tỉnh	32	4	25	3	5	1	26	1	31
Tổng		**1.256**	**418**	**775**	**63**	**345**	**16**	**895**	**901**	**355**

- Phân loại theo nhóm tuổi: 418 trường hợp dưới 18 tuổi, 775 trường hợp trong độ tuổi từ 18-65, 63 trường hợp trên 65 tuổi;

- Phân loại theo tiền sử tiêm vắc xin: 345 trường hợp chưa tiêm, 16 trường hợp tiêm 01 mũi, 895 trường hợp tiêm đủ 2 mũi trở lên;

- Phân loại theo nơi mắc: 901 trường hợp ghi nhận tại cộng đồng, 355 trường hợp đã được cách ly trước đó.

(Chi tiết tại phụ lục 1.1 và 1.2 đính kèm)

1.2. Ca tử vong: *0 trường hợp*

(Chi tiết tại phụ lục 1.3 đính kèm)

II. Công tác điều trị bệnh nhân COVID-19

1. Tại các cơ sở điều trị và cơ sở thu dung trong ngày:

TT	Cơ sở điều trị, thu dung	Đang điều trị						Khỏi bệnh trong ngày
		Số đang điều trị hôm nay	Chia theo mức độ bệnh					
			Không triệu chứng	Mức độ nhẹ	Trung bình	Nặng và nguy kịch		
						Thở oxy qua mask	Có thở máy	
1	BVĐK tỉnh	62	4	12	15	23	8	4
2	Cơ sở thu dung thuộc thành phố HB	44	44	0	0	0	0	0
3	BV dã chiến số 1	53	21	29	3	0	0	14
4	TTYT Lương Sơn	10	6	4	0	0	0	1
5	Các cơ sở thu dung thuộc huyện Lương Sơn	74	42	32	0	0	0	10
6	PK khu vực 21	59	31	28	0	0	0	4
7	TTYT Lạc Sơn	101	50	49	2	0	0	37
8	TTYT Kim Bôi	85		77	8	0	0	22
9	Các cơ sở thu dung thuộc huyện Kim Bôi	410		410	0	0	0	65
10	TTYT Yên Thủy	45	0	40	4	1	0	1
11	Các cơ sở thu dung thuộc huyện Yên Thủy	50	0	50	0	0	0	15
12	TTYT Lạc Thủy	50	0	50	0	0	0	4
13	Các cơ sở thu dung thuộc huyện Lạc Thủy	126	0	126	0	0	0	36
14	TTYT Tân Lạc	114	74	40	0	0	0	8
15	Các cơ sở thu dung thuộc huyện Tân Lạc	249	0	249	0	0	0	0
16	TTYT Cao Phong	213	0	213	0	0	0	12
17	TTYT Đà Bắc	23	0	23	0	0	0	26
18	TTYT Mai Châu	126		126	0	0	0	0
19	Các cơ sở thu dung thuộc huyện Mai Châu	144	0	144	0	0	0	0
Tổng		**2.038**	**272**	**1.702**	**32**	**24**	**8**	**259**

- Số bệnh nhân đang điều trị: 2.038 trường hợp. Trong đó:

+ Số bệnh nhân không triệu chứng: 272 trường hợp

+ Số bệnh nhân nhẹ: 1.702 trường hợp

+ Số bệnh nhân trung bình: 32 trường hợp

+ Số bệnh nhân cần phải thở oxy qua mask: 24 trường hợp

+ Số bệnh nhân phải thở máy: 08 trường hợp

+ Số bệnh nhân khỏi bệnh được xuất viện: 259 trường hợp

2. Tình hình quản lý F0 tại nhà:

TT	Địa phương	Trong ngày				Cộng dồn	
		Số đang điều trị	Không triệu chứng	Mức độ nhẹ	Khỏi bệnh trong ngày	Khỏi đến nay	Quản lý tại nhà đến nay
1	Huyện Lương Sơn	965	541	424	83	1169	2160
2	Huyện Lạc Sơn	1425	1425	0	308	1060	2974
3	Huyện Đà Bắc	365	109	256	2	1	401
4	Thành phố Hòa Bình	1420	1347	0	45	517	1539
5	Huyện Lạc Thủy	30	30	0	1	38	68
6	Huyện Yên Thủy	323	323	0	1	39	368
7	Huyện Kim Bôi	762	762	0	83	511	1281
Tổng		**5.290**	**4.537**	**680**	**523**	**3.335**	**8.791**

- Số bệnh nhân đang được quản lý tại nhà: 5.290 trường hợp. Trong đó:

+ Số không có triệu chứng: 4.537 trường hợp

+ Mức độ nhẹ: 680 trường hợp

+ Khỏi bệnh trong ngày: 3.335 trường hợp.

III. Kết quả thực hiện xét nghiệm

1. Kết quả xét nghiệm bằng phương pháp Realtime RT-PCR:

** Xét nghiệm sàng lọc cho các đối tượng có nguy cơ cao trong ngày:*

- Số mẫu mới nhận: 52 mẫu/52 người được xét nghiệm

- Số mẫu đã làm xét nghiệm trong ngày: 52 mẫu

+ Số mẫu có kết quả Dương tính: 41 mẫu

+ Số mẫu có kết quả Âm tính: 11 mẫu

- Số mẫu Nghi ngờ: 0 mẫu

- Số mẫu chưa có kết quả: 0 mẫu

(Chi tiết tại phụ lục 2.1 đính kèm)

** Xét nghiệm dịch vụ:*

- Số mẫu mới nhận trong ngày: 36 mẫu/38 người được xét nghiệm
- Số mẫu có kết quả Dương tính: 11 mẫu
- Số mẫu có kết quả Âm tính: 25 mẫu

+ Số mẫu Nghi ngờ: 0 mẫu

(Chi tiết tại phụ lục 2.2 đính kèm)

2. Kết quả xét nghiệm bằng test nhanh kháng nguyên:

** Xét nghiệm sàng lọc cho các đối tượng có nguy cơ cao:*

- Số mẫu thực hiện trong ngày: 2.866 mẫu/3.069 người được xét nghiệm
- Số mẫu có kết quả Dương tính: 750 mẫu
- Số mẫu có kết quả Âm tính: 2.116 mẫu

(Chi tiết tại phụ lục 3.1 đính kèm)

** Xét nghiệm dịch vụ:*

- Số mẫu thực hiện trong ngày: 644 mẫu/971 người được xét nghiệm
- Số mẫu có kết quả Dương tính: 219 mẫu
- Số mẫu có kết quả Âm tính: 425 mẫu

(Chi tiết tại phụ lục 3.2 đính kèm)

IV. Kết quả tiêm vắc xin phòng COVID-19

1. Kết quả cộng dồn các đợt theo số vắc xin được phân bổ cho tỉnh:

- Tổng số liều vắc xin đã được phân bổ: 1.520.276 liều

- Tổng số mũi vắc xin đã tiêm: 1.585.858 mũi

- Tổng số người đã được tiêm vắc xin: 618.599 người, trong đó:

+ Tổng số người đã được tiêm 1 mũi vắc xin: 20.781 người

+ Tổng số người đã tiêm đủ 2 mũi vắc xin: 228.377 người

+ Tổng số người đã tiêm đủ 3 mũi vắc xin: 358.594 người

(Chi tiết tại phụ lục 8 đính kèm)

2. Kết quả thực tế số người từ 12 tuổi trở lên đã được tiêm trên địa bàn toàn tỉnh:

Kết quả tiêm vắc xin AstraZeneca đợt 32

TT	Đơn vị	Tổng liều vắc xin đã nhận	Số tiêm trong ngày	Số mũi tiêm cộng dồn 17.2
1	Đà Bắc	4.500	0	4.873
2	Cao Phong	3.310	0	3.372
3	Kim Bôi	5.360	0	5.833
4	Lạc Sơn	13.000	0	13.862
5	Lạc Thủy	5.000	0	5.849
6	Lương Sơn	10.000	0	12.000
7	Mai Châu	6.000	0	6.782
8	Tân Lạc	4.000	452	3.979
9	Yên Thủy	3.200	0	2.698
10	TPHB	5.500	188	5.973
11	CDC	130	0	157
Tổng cộng		**60.000**	**640**	**65.378**

BẢNG TỔNG HỢP SỐ LIỆU TIÊM VẮC XIN PHÒNG COVID-19

(đối tượng trên 18 tuổi)

TT	Huyện/TP	Tổng cộng số người đã được tiêm 2 mũi			Tổng cộng số người đã được tiêm 1 mũi			Tỷ lệ bao phủ ít nhất 1 mũi (%)
		Trong ngày	Cộng dồn 17.02	Tỷ lệ (%)	Trong ngày	Cộng dồn 17.02	Tỷ lệ (%)	
1	Đà Bắc	136	36.768	93,92	0	2.225	5,68	99,61
2	Cao Phong	0	32.878	97,24	21	20	0,06	97,18
3	Kim Bôi	0	76.807	95,83	0	4.634	5,78	101,61
4	Lạc Sơn	0	91.135	93,09	0	5.192	5,30	98,39
5	Lạc Thủy	0	43.173	98,40	0	529	1,21	99,61
6	Lương Sơn	0	70.229	95,77	0	4.580	6,25	102,02
7	Mai Châu	0	35.893	93,11	0	3.207	8,32	101,42
8	Tân Lạc	656	56.775	91,85	596	4.413	7,14	98,99
9	Yên Thủy	461	37.630	95,82	996	2.467	6,28	102,10
10	Thành phố HB	506	94.217	98,94	890	79	0,08	99,02
Cộng		**1.759**	**575.505**	**95,43**	**2.503**	**27.306**	**4,53**	**99,96**

BẢNG TỔNG HỢP SỐ LIỆU TIÊM VẮC XIN PHÒNG COVID-19

(Mũi 3)

TT	Huyện/TP	Tổng dân số từ 18 tuổi trở lên	Tổng số người thuộc diện cần tiêm	Tổng số người tiêm mũi 3		
				Trong ngày	Cộng dồn 17.02	Tỷ lệ (%)
1	Đà Bắc	39.147	39.147	2.193	30.191	77,1
2	Cao Phong	34.954	33.812	786	26.973	79,8
3	Kim Bôi	81.879	80.148	0	35.725	44,6
4	Lạc Sơn	103.863	97.900	0	40.771	41,6
5	Lạc Thủy	43.874	43.874	0	35.640	81,2
6	Lương Sơn	73.328	73.328	0	51.665	70,5
7	Mai Châu	42.237	38.551	0	28.379	73,6
8	Tân Lạc	63.980	61.811	4.946	32.396	52,4
9	Yên Thủy	42.710	39.273	935	20.456	52,1
10	Thành phố HB	95.776	95.227	1.279	56.398	59,2
	Tổng cộng	**621.748**	**603.071**	**10.139**	**358.594**	**59,5**

BẢNG TỔNG HỢP SỐ LIỆU TIÊM VẮC XIN PHÒNG COVID-19

(đối tượng trẻ em từ 12-17 tuổi)

TT	Địa phương	Đối tượng đã tiêm						Tổng cộng số đã tiêm ít nhất 1 mũi	Tỷ lệ bao phủ ít nhất 1 mũi (%)
		Mũi 1			Mũi 2				
		Trong ngày	Cộng dồn 17.02	Tỷ lệ	Trong ngày	Cộng dồn 17.02	Tỷ lệ		
1	Đà Bắc	0	304	6,29	0	4.540	93,90	4.844	100,19
2	Cao Phong	0	33	0,93	0	3.483	98,20	3.516	99,13
3	Kim Bôi	0	809	8,20	0	8.831	89,47	9.640	97,67
4	Lạc Sơn	0	450	3,68	0	11.755	96,12	12.205	99,80
5	Lạc Thủy	0	272	4,25	0	6.206	97,07	6.478	101,33
6	Lương Sơn	0	378	4,31	0	8.075	92,10	8.453	96,41
7	Mai Châu	0	563	13,06	0	3.859	89,49	4.422	102,55
8	Tân Lạc	0	271	3,72	0	6.645	91,24	6.916	94,96
9	Yên Thủy	0	303	5,46	0	5.127	92,38	5.430	97,84
10	TPHB	0	1.308	9,45	0	12.667	91,49	13.975	100,94
Tổng cộng		**0**	**4.691**	**6,12**	**0**	**71.188**	**92,90**	**75.879**	**99,02**

V. Các hoạt động triển khai trong ngày

- Quản lý các trường hợp nghi ngờ, các trường hợp F1, các trường hợp đi về từ các địa phương, các tỉnh có dịch COVID-19 để thực hiện các biện pháp phòng chống dịch phù hợp;

- Điều trị các ca bệnh COVID-19 tại cơ sở y tế và tại nhà theo hướng dẫn;

- Tổ chức các hoạt động bảo vệ người nguy cơ mắc COVID-19 trên địa bàn tỉnh;

- Triển khai các hoạt động khác về phòng, chống dịch.

VI. Một số nhiệm vụ trọng tâm trong thời gian tới:

- Rà soát, đề xuất nhu cầu và phân bổ liều vắc xin theo quy định;

- Tiếp tục quản lý các trường hợp nghi ngờ, các trường hợp F1, các trường hợp đi về từ các địa phương, các tỉnh có dịch COVID-19 để thực hiện các biện pháp phòng chống dịch phù hợp;

- Tiếp tục điều trị các ca bệnh COVID-19 theo hướng dẫn;

- Tiếp tục tiêm vắc xin cho người trên 12 tuổi theo kế hoạch;

- Tham mưu phân công nhiệm vụ của thành viên dự kiến bổ sung tham gia Ban Chỉ đạo tỉnh;

- Tiếp tục tổ chức các hoạt động bảo vệ người nguy cơ mắc COVID-19 trên địa bàn tỉnh;

- Thực hiện các nhiệm vụ khác trong phòng, chống dịch COVID-19 theo quy định;

Trên đây là Báo cáo của Sở Y tế về công tác phòng, chống dịch bệnh COVID-19 trên địa bàn tỉnh Hòa Bình./.

Nơi nhận:
- Bộ Y tế;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- UBND tỉnh;
- UB MTTQVN tỉnh;
- VP: Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh;
- Ban Tuyên giáoTỉnh ủy;
- Ban Nội chính Tỉnh ủy;
- Ban Dân vận Tỉnh ủy;
- Thành viên BCĐ PCD COVID-19 tỉnh;
- Bộ CHQS tỉnh HB;
- Công an tỉnh HB;
- UBND các huyện, TP;
- GĐ, các PGĐ Sở Y tế;
- Trung tâm KSBT tỉnh;
- BVĐK tỉnh; BV YHCT tỉnh;
- TTYT các huyện, TP;
- Lưu: VT, NVY.

GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ Y TẾ
TỈNH HÒA BÌNH

Bùi Thu Hằng